



TĐKT ở các nước phát triển đều hình thành một cách tự nhiên do nhu cầu khách quan của quá trình tích tụ tư bản, thông qua các hình thức mua lại, sáp nhập, thôn tính với mục đích liên kết về vốn, sản phẩm, công nghệ, thị trường, tạo động lực cạnh tranh. Ở một số nước, TĐKT lớn còn sở hữu ngân hàng riêng để thực hiện chức năng thị trường vốn.

Tập đoàn kinh tế thành lập các ngân hàng?

VĂN TẠO

1. Vài nét về tập đoàn kinh tế

Tập đoàn kinh tế (TĐKT) ở các nước phát triển đã có hàng trăm năm nay. Tên gọi TĐKT cũng khác nhau như các nước châu Âu và châu Mỹ gọi là Consortium, Cartel, Trust, Group v.v... Nhật Bản gọi là Keiretsu hay Zaibatsu; Hàn Quốc là Cheabol; Trung Quốc là Jituan, Gongsì...

Cũng có nhiều định nghĩa khác nhau về TĐKT/ Theo Leff *"TĐKT là một tập hợp các công ty hoạt động kinh doanh trên các thị trường khác nhau, dưới sự kiểm soát về tài chính hoặc quản trị chung, trong đó các thành viên có sự ràng buộc với nhau bằng mối quan hệ tin cậy lẫn nhau trên cơ sở sắc tộc hoặc bối cảnh thương mại"*; theo Powell & Smith-Doesrr *"TĐKT là một hệ thống công ty hợp tác thường xuyên với nhau trong một thời gian dài"* (1). Còn theo Luật sư Vũ Xuân Tiến, chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty tư vấn VFAM thì *"TĐKT là một tổ hợp gồm nhiều doanh nghiệp độc lập, được thành lập theo quy định của pháp luật hoạt động trong một ngành hoặc nhiều ngành khác nhau, trong phạm vi một nước hoặc nhiều nước, tự nguyện liên kết với nhau theo những nguyên tắc và phương thức nhất định, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường và tối đa hóa lợi nhuận"*(2).

2. Quá trình hình thành TĐKT ở Việt Nam

Ngày 07/03/1994, Thủ tướng Chính phủ ban

hành Quyết định số 91/QĐ-TTG về thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh với những tiêu chí như phải có ít nhất 7 doanh nghiệp, được hoạt động đa ngành nghề nhưng phải có một số doanh nghiệp hoạt động chủ đạo và được thành lập công ty tài chính để huy động vốn và cho vay các doanh nghiệp thành viên; tập đoàn kinh doanh được thành lập trong phạm vi toàn quốc, khu vực và địa phương, Hội đồng quản trị phải có từ 7 đến 9 thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; đây có thể được coi là cơ sở pháp lý về TĐKT ở nước ta. Sau khi ban hành quyết định trên, Thủ tướng Chính phủ đã lần lượt ban hành quyết định thành lập 18 Tổng Công ty như: Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông, Tổng Công ty Điện lực, Tổng Công ty Dầu khí, Tổng công ty Than, Tổng công ty Dệt may, Tổng công ty Tàu thủy, Tổng công ty Than và Khoáng sản... là các doanh nghiệp có vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

Nghị quyết Hội nghị TW lần thứ 3 khóa IX cũng đã chỉ rõ: *"Hình thành một số TĐKT mạnh trên cơ sở các tổng công ty Nhà nước có sự tham gia của các thành phần kinh tế, kinh doanh đa ngành nghề, trong đó có ngành kinh doanh chính, chuyên môn hóa cao và giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân, có quy mô rất lớn về vốn, hoạt động cả trong và ngoài nước, có trình độ công nghệ cao và*

quản lý hiện đại, có sự gắn kết trực tiếp chặt chẽ giữa khoa học và đào tạo, nghiên cứu triển khai với sản xuất kinh doanh”; thực hiện Nghị quyết này ngày 8/2/2002 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 04/CT-TTg về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp Nhà nước, trong đó tại điểm 4 quy định về thí điểm mô hình tổ chức quản lý mới:

- Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, các Tổng công ty Nhà nước chọn một số doanh nghiệp đã chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên;

- Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thống nhất với các Bộ, Ngành, UBND địa phương và các Tổng công ty trình Chính phủ quy định một số doanh nghiệp cần tiến hành thí điểm thực hiện mô hình công ty mẹ - công ty con;

- Thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh dầu khí, điện lực, viễn thông, xây dựng.

Trong tiến trình hội nhập và phát triển kinh tế, trước áp lực cạnh tranh từ bên ngoài, nhất là sau khi Hiệp định thương mại Việt-Mỹ (BTA) có hiệu lực và nước ta đang tiếp tục đàm phán gia nhập WTO, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập 8 tập đoàn kinh tế Nhà nước lớn như: Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông, Tập đoàn than và khoáng sản, Tập đoàn Điện lực, Tập đoàn Bảo Việt, Tập đoàn Dệt may, Tập đoàn Tàu thủy... trên cơ sở hợp nhất các Tổng công ty Nhà nước, các công ty trực thuộc cùng ngành nghề để tăng cường nguồn lực tài chính, năng lực quản trị điều hành và khả năng chiếm lĩnh thị phần của các TĐKT Việt Nam

Bên cạnh đó Chính phủ cũng đã chuyển các Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con với sự liên kết về vốn để thành lập các TĐKT, các công ty con đăng ký kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tài chính với công ty mẹ và ký hợp đồng trách nhiệm với công ty mẹ để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đó. Công ty mẹ chỉ quản lý các công ty con với tư cách là chủ sở hữu về vốn và đã có những công ty mẹ - công ty con hoạt động có hiệu quả như Constrexim (Tổng công ty thí điểm mô hình công ty mẹ - con đầu tiên), Tổng công ty Giấy Việt Nam và một số Tổng công ty khác, nhưng cũng còn một số Tổng công ty hoạt động chưa hiệu quả.

Mới đây vào ngày 26/9/2007 Ciem phối hợp với Phòng Thương mại Công nghiệp (VCCI) tổ chức hội thảo “TĐKT ở Việt Nam - Những vấn đề về tổ chức, phát triển và quản trị, điều hành”, ghi nhận dưới những ý kiến khác nhau về TĐKT ở Việt Nam như sau:

• Tiến sĩ Trần Tiến Cường - Trưởng ban nghiên cứu cải cách và phát triển doanh nghiệp Ciem cho rằng TĐKT ở các nước phát triển đã có từ lâu nhưng khái niệm về TĐKT cũng chưa có sự thống nhất và mô hình của mỗi nước cũng khác nhau. Ở Việt Nam hiện chưa có tiêu chí xác định TĐKT; TĐKT là một tổ hợp các công ty có tư cách pháp nhân độc lập. TĐKT không phải là một pháp nhân nên việc quy định một khuôn khổ pháp lý cho một nhóm công

ty sẽ trở nên bất cập.

• Hiện nay nhiều doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân hoạt động có hiệu quả đã liên kết với nhau dưới một bộ máy, một thương hiệu chung tạo sự phát triển vượt bậc trở thành các TĐKT tư nhân như: FPT, Hòa Phát, Kinh Đô, Đồng Tâm nhưng chưa được pháp luật thừa nhận và vẫn phải mang các tên khác nhau như: Công ty cổ phần, hoặc Công ty TNHH; do Luật doanh nghiệp năm 2005 chỉ cho phép thành lập các loại hình doanh nghiệp là Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Công ty tư nhân. Tuy nhiên theo điều 149 của Luật doanh nghiệp thì “TĐKT là một nhóm công ty lớn và Chính phủ quy định hướng dẫn tiêu chí, tổ chức quản lý và hoạt động của TĐKT” nhưng cho đến nay Nghị định hướng dẫn thành lập TĐKT để tạo hành lang pháp lý cho sự ra đời mô hình TĐKT ở Việt Nam. Điều này cho thấy những hiểu biết về TĐKT ở Việt Nam còn rất mơ hồ (3).

• Hiện đã có 8 TĐKT được Chính phủ quyết định thành lập trong giai đoạn thí điểm. Ngoài ra một số tổng công ty khác đã xây dựng đề án thành lập TĐKT đang thu hút sự quan tâm của nhiều người. Trong báo cáo thẩm tra của mình, Ông Hà Văn Hiến - Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế Quốc hội cho rằng “cần sớm có tổng kết, đánh giá việc thành lập TĐKT”. Các chuyên gia và nhà quản lý tỏ ý lo ngại về những hệ lụy mới cho nền kinh tế, nhất là việc mở rộng hoạt động ra các lĩnh vực không phải sở trường của các TĐKT ở Việt Nam. Theo bà Phạm Chi Lan, nguyên thành viên Ban nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, thì các TĐKT có thể lựa chọn thêm nhiều lĩnh vực hoạt động khác để chia sẻ rủi ro như đa dạng hóa hoạt động nhằm hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh cốt lõi; cũng theo Bà Lan khi tập đoàn đi vào kinh doanh những ngành nghề kinh doanh không có thế mạnh và đang bị cạnh tranh quyết liệt trên thị trường thì không có gì đảm bảo thành công. Mặt khác, những lĩnh vực cốt lõi sẽ bị sao nhãng và như vậy không đủ sức chịu đựng sức ép cạnh tranh của các đối thủ nhất là các TĐKT nước ngoài (Nguồn TBKTSG 25/10/2007).

Từ khi Chính phủ quyết định thành lập các Tổng công ty, một số Tổng công ty đã thành lập công ty mẹ - công ty con để hình thành TĐKT. Theo đánh giá của các chuyên gia, mô hình công ty mẹ - công ty con còn nhiều hạn chế, Tiến sĩ Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện Quản lý kinh tế Trung ương, thì cho rằng vốn là vấn đề “cốt tử” của các TĐKT Việt Nam hiện nay do công ty mẹ không có vốn góp vào các công ty con; nên Tổng công ty chưa phải là “mẹ - con” thực sự và “mẹ” không chỉ bảo được “con”; bởi vì các công ty thành viên có đầy đủ tư cách pháp nhân, còn Tổng công ty trở thành cơ quan quản lý hành chính hơn là thực hiện chiến lược kinh doanh, liên kết kinh tế, xây dựng thương hiệu, thị trường (4). Bên cạnh đó ông Phạm Văn Muôn, Phó ban Đổi mới doanh nghiệp, còn cho rằng một số công ty mẹ có vốn điều lệ thấp nên việc hỗ trợ cho các công ty con rất hạn chế. Khi công ty con có nhu

cầu phát hành cổ phần thì công ty mẹ không có khả năng mua để thực hiện vai trò chi phối công ty con; thậm chí một số công ty mẹ bảo lãnh cho công ty con vay nhưng vượt quá mức an toàn theo quy định của pháp luật (5).

Để TĐKT nước ta phát triển bền vững theo Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành TW Đảng lần thứ 3 khóa IX và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập TĐKT, đề nghị Chính phủ cần sớm tổ chức tổng kết, đánh giá thí điểm mô hình TĐKT trên cơ sở đó ban hành Nghị định quy định về nguyên tắc hình thành, quy mô tổ chức, hệ thống quản lý, vốn pháp định, đội ngũ cán bộ, mối quan hệ trong tập đoàn trong hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, vai trò quản lý Nhà nước và chủ sở hữu,... Có như vậy TĐKT mới không “mò mẫm”, mở rộng hoạt động vào những lĩnh vực không có thể mạnh dẫn đến dễ bị đổ vỡ hoặc “ngộ nhận” là TĐKT để “đánh bóng” các doanh nghiệp khi chưa đủ tiêu chí cần thiết.

3. Phong trào TĐKT đua nhau thành lập ngân hàng

Cùng với tốc độ phát triển kinh tế của đất nước, nhất là sau khi nước ta gia nhập WTO, hoạt động ngành tài chính, ngân hàng luôn là tâm điểm chú ý của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thị trường chứng khoán sôi động trên cả 2 sàn giao dịch ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Các công ty niêm yết chứng khoán đã đạt kết quả hoạt động kinh doanh khá. Nhiều nhà đầu tư đã thu được lợi nhuận cao. Kết quả kinh doanh của khu vực ngân hàng nhất là NHTMCP đạt kết quả rất ngoạn mục, mức độ tăng trưởng trong lĩnh vực ngân hàng gần 3 năm qua đạt tốc độ từ 40 - 50%, tốc độ tăng nguồn vốn huy động, dư nợ tín dụng tăng 50% so với năm 2006; lợi nhuận thu được bằng các dịch vụ truyền thống và giá cổ phiếu trên thị trường OTC cao gấp nhiều lần so với mệnh giá, lợi tức của các cổ đông thường đạt trên 20% hoặc thậm chí 40% so với mệnh giá cổ phiếu, cao hơn các ngành kinh tế khác nên đã thu hút các nhà đầu tư nhất là các TĐKT đều muốn thành lập ngân hàng riêng. Có người cho rằng thành lập ngân hàng là dễ dễ dàng vay vốn tại ngân hàng của mình, nhưng điều này là khó thực hiện bởi theo quy định tại điều 77 và điều 78 của Luật các Tổ chức tín dụng, các ngân hàng không được cho vay các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và những người thân của họ hoặc hạn chế cho vay đối với các cổ đông lớn của Tổ chức tín dụng. Như vậy động cơ bên trong của TĐKT muốn thành lập ngân hàng là để tìm kiếm lợi nhuận cao hơn các ngành nghề hiện đang hoạt động.

Về quan điểm thành lập ngân hàng riêng của các TĐKT đã có không ít lời cảnh báo của các chuyên gia trong và ngoài nước. Ông Ayunni Koni-shi, Giám đốc Ngân hàng phát triển Châu Á tại Việt Nam cho rằng “*Có những rủi ro liên quan đến việc cho vay các tổ chức liên kết về việc lạm dụng quyền hạn của công ty mẹ sẽ ảnh hưởng đến các quyết định cho vay của ngân hàng. Điều này đã*

được chứng minh từ nhiều nước trên thế giới dẫn đến sự sụp đổ của nhiều tổ chức ngân hàng”. Ông Benedict Bingham, Trưởng đại diện thường trú IMF, ví von rằng: “*Hãy hình dung những người tham gia điều hành NHTM giống như những tay đua xe công thức một. Để tham gia cuộc đua họ phải có tay nghề cao, phải được đào tạo và kiểm tra gắt gao trước khi tham dự..., song không ai có thể chắc chắn rằng ngay cả đối với những tay đua cừ khôi nhất cũng không mắc sai lầm..., nếu như sự phá sản của một trong số 300 ngàn doanh nghiệp Việt Nam hiện nay thì chỉ để lại hậu quả một số công nhân thất nghiệp và Nhà nước thất thu thuế, còn nếu phá sản một ngân hàng thì để lại hậu quả lớn hơn nhiều*” (6). Theo một chuyên gia của WB tại Việt Nam, nếu cho phép các doanh nghiệp thành lập ngân hàng một cách ồ ạt sẽ có thể dẫn đến hệ thống ngân hàng Việt Nam thêm phần yếu kém, dễ tổn thương và nếu đổ vỡ thì sẽ gây nên hậu quả khôn lường do sự đổ vỡ hệ thống (Nguồn: Tạp chí Tài chính 10/2007) Ông Lê Xuân Nghĩa, Vụ trưởng Vụ chiến lược NHNN cũng cho rằng “*Theo thông lệ quốc tế các TĐKT không nên thành lập ngân hàng riêng, kinh doanh chỉ có thể phát huy hiệu quả những lĩnh vực gần nhau, lĩnh vực công nghiệp và thương mại là hai lĩnh vực xa lạ với tài chính - ngân hàng, đặc biệt lĩnh vực ngân hàng đòi hỏi khả năng quản trị cao và chặt chẽ hơn rất nhiều so với quản trị doanh nghiệp thông thường*” (7).

Mới đây cuộc khủng hoảng tín dụng toàn cầu đã bùng phát vào ngày 10/8/2007 do những lo ngại về bất ổn bắt đầu xảy ra tại thị trường cho vay thế chấp thứ cấp của Mỹ khiến chỉ số chứng khoán sụt giảm mạnh. Ngân hàng Trung ương các nước châu Âu, Mỹ, Úc và châu Á đã bỏ ra 326 tỷ USD để cứu vãn tình hình: Cục dự trữ Liên bang Mỹ đã 3 lần chi ra 62 tỷ USD, Ngân hàng ECB bỏ ra 95 tỷ Euro, Ngân hàng Trung ương Nhật bỏ ra 8,45 tỷ USD và các Ngân hàng trung ương Canada, Úc cũng bỏ ra hàng tỷ USD để cứu ngân hàng và nền kinh tế (9). Bài học đổ vỡ hàng loạt hợp tác xã tín dụng ở nước ta những năm 1989-1991 còn nóng hổi, làm cho hàng chục ngàn người bị mất trắng tài sản, hàng trăm người kéo đến trụ sở các cơ quan công quyền ở các thành phố lớn để đòi bồi thường. Nếu như với trên trăm tỷ đồng của Chính phủ ứng ra để chi trả cho người dân đã có thể ổn định được tình hình an ninh xã hội, thì việc một ngân hàng nào đó bị phá sản và dù đã có tham gia bảo hiểm tiền gửi cũng có thể dẫn đến sự sụp đổ hệ thống ngân hàng, để lại những hệ lụy vô cùng to lớn cho nền kinh tế, kéo lùi phát triển kinh tế và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân.

Để thúc đẩy hoạt động ngân hàng phát triển theo hướng an toàn, bền vững trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày 28/2/2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2006/NĐ-CP về những quy định cấp giấy phép thành lập cho các ngân hàng nước ngoài; còn đối với ngân hàng trong nước, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành Quyết

định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 7/6/2007 về quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP), Quyết định số 46/2007/QĐ-NHNN ngày 25/12/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 24/2007 được coi là những điều kiện khá chặt chẽ.

Tuy vậy theo nguồn tin của NHNN trong số 20 bộ hồ sơ xin thành lập, đến tháng 12/2007 đã có 9 NHTMCP và 3 Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được NHNN chấp thuận về nguyên tắc. Trong số này có các TĐKT như Bảo Việt, Năng lượng, Dầu khí. NHTMCP Liên Việt được thành lập bằng vốn góp của Tổng công ty thương mại Sài Gòn, Công ty TNHH Him Lam, Công ty Dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất, NHNN&PTNT Việt Nam; NHTMCP Kinh Bắc được thành lập bằng vốn góp của Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông, Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô, Công ty Lắp máy, Công ty May Đức Giang, NHTMCP Công nghiệp do các Tổng Công ty Rượu bia Hà Nội, Tổng Công ty giấy Việt Nam, Tổng Công ty dệt may Việt Nam (Vinatex) và FPT (một TĐKT tư nhân)... đưa tổng số ngân hàng đang hoạt động năm 2008 là 5 NHTM Nhà nước, 1 Ngân hàng Chính sách Xã hội, 44 NHTMCP, 40 Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 44 Văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài và 6 ngân hàng liên doanh, ngoài ra còn có 6 ngân hàng nước ngoài đang có nguyện vọng thành lập ngân hàng con với 100% vốn nước ngoài, ngân hàng ANZ đang có kế hoạch mở 15 chi nhánh, Ngân hàng Standart Chartered Bank dự định mở 30 chi nhánh, HSBC dự định mở 10 chi nhánh.

4. Ngân hàng mới thành lập phải đối mặt với nhiều thách thức

Một là, về năng lực tài chính, khả năng quản trị, điều hành, trình độ công nghệ thông tin.

Theo ông Kiều Hữu Dũng Vụ trưởng Vụ các ngân hàng thuộc NHNN: *“Chính phủ không cấm lập ngân hàng, nhưng muốn kinh doanh trong lĩnh vực này phải đảm bảo các điều kiện: tình hình tài chính lành mạnh, kinh nghiệm kinh doanh ngân hàng, khả năng kinh doanh ngân hàng, và một số yếu tố không thể thiếu là công nghệ thông tin cùng hệ thống nhân lực tốt...”* (8)

Về chi phí cho việc thành lập và hoạt động, theo ý kiến của các chuyên gia, trước hết chi phí để thành lập ngân hàng không phải doanh nghiệp nào cũng đủ sức chịu đựng. Ngoài vốn điều lệ tối thiểu là 1.000 tỷ thì việc chi phí thành lập Hội sở và các chi nhánh không hề nhỏ,

nếu muốn sở hữu hơn 100 chi nhánh, phòng giao dịch của một NHTMCP trung bình như Techcombank chắc không phải là dễ.

Về nguồn nhân lực đủ trình độ và điều kiện theo quy định của NHNN ít ngân hàng mới thành lập đủ điều kiện đáp ứng. Theo một số NHTMCP mới, để gom đủ số vốn điều lệ không khó nhưng việc tìm kiếm Tổng giám đốc, Trưởng chi nhánh và cán bộ chủ chốt, có nhiều kinh nghiệm, đủ tư cách đạo đức cho bộ máy điều hành và quản trị ngân hàng để vận hành một cách thông suốt, an toàn là rất khó khăn. Các ngân hàng này thường sử dụng nhiều chiêu thức để “câu” cán bộ của ngân hàng khác bằng mức lương, thưởng cao. Như vậy chi phí mà các ngân hàng này phải gánh chịu không hề nhỏ, nhất là muốn giữ chân họ lâu dài; còn số sinh viên mới ra trường phải qua thực tế vài ba năm tích lũy kinh nghiệm mới có thể làm việc độc lập được.

Công nghệ thông tin về ngân hàng bao gồm phần cứng, phần mềm tiên tiến và đội ngũ cán bộ đủ trình độ mới có thể triển khai được nhiều dịch vụ bán lẻ như: internet banking, phonebanking, mobilebanking, hệ thống máy ATM, máy POS. Đây thách thức không nhỏ đối với ngân hàng mới thành lập.

Hai là, khả năng chiếm lĩnh thị trường:

Để chiếm lĩnh thị trường cần có ít nhất vài chục chi nhánh, phòng giao dịch, hệ thống máy ATM để cung cấp các dịch vụ như huy động tiền gửi, cho vay, thanh toán, chuyển tiền, kiều hối, dịch vụ mở thẻ. Nếu mạng lưới ít việc chiếm lĩnh thị trường là rất khó khăn; không thể so sánh với 4 NHTM Nhà nước hiện có. Điển hình như NHNN&PTNT có 2 hội sở chính và 1.800 chi nhánh, phòng giao dịch đã tiếp cận được hơn 10 triệu hộ nông dân, cho vay các dự án đầu tư lớn của Nhà nước, các doanh nghiệp nhỏ và vừa; còn các NHTMCP khác như Sacombank đến nay đã có 54 chi nhánh và 115 phòng giao dịch, Eximbank đã có 55 chi nhánh và phòng giao dịch, Techcombank với 114 chi nhánh và phòng giao dịch, ACB mở thêm 40 chi nhánh và 100 phòng giao dịch. Ngoài ra chiến lược thu hút khách hàng truyền thống luôn là thế mạnh, các NH này đang mở rộng quan hệ liên kết chiến lược với các doanh nghiệp như một cách có hiệu quả để giữ chân khách hàng.

Ba là, đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng:

Mặc dù dịch vụ ngân hàng là rất phong phú nhưng hiện nay ngân hàng mới cung cấp một số dịch vụ chủ yếu như huy động vốn, tín dụng, thanh toán, dịch vụ thẻ, bảo lãnh tín dụng, cho thuê tài chính, kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán, bảo quản tài sản... Nguồn thu chủ yếu vẫn là dịch vụ tín dụng, về khả năng huy động vốn sẽ gặp không ít khó khăn khi mà chỉ số lạm phát tăng cao, lãi suất tiền gửi thực âm, thị trường chứng khoán trời trụt, thị trường vàng và bất động sản tăng cao nên việc huy động vốn bằng VND là khá khó khăn; còn mở rộng dịch vụ tín dụng cũng không dễ dàng, dù cho còn nhiều đối tượng khách hàng chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng nhưng phải thấy rằng đối tượng



như các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã hoặc khu vực nông nghiệp, nông thôn có nhiều khó khăn do không có tài sản thế chấp, không có khả năng lập dự án, nhiều rủi ro do như thiên tai, dịch bệnh, rớt giá; cho vay các món nhỏ, lẻ. Nếu các NH mới thành lập muốn tăng thị phần thì phải có nguồn vốn lớn để đầu tư vào dự án cần nhiều vốn, thời hạn cho vay dài hơn, giảm bớt những quy định về an toàn vốn, hoặc chấp nhận cho vay với lãi suất thấp hơn thị trường, như vậy tiềm ẩn nhiều rủi ro, hạn chế lợi nhuận từ nguồn thu tín dụng là khó tránh khỏi; còn nguồn thu từ dịch vụ mở và thanh toán thẻ đòi hỏi phải đầu tư rất lớn về cơ sở hạ tầng như lắp đặt máy ATM mà giá trị không dưới vài, ba chục ngàn USD cho mỗi máy, máy POS cũng khoảng 7 ngàn USD, nếu muốn có hàng trăm máy như thế thì các ngân hàng mới thành lập liệu đủ năng lực tài chính và khả năng vận hành một cách an toàn để thu hút khách hàng hay không?

Điều này cho thấy cuộc chiến giữa các ngân hàng thời gian tới là vô cùng quyết liệt, phần thắng chắc chỉ dành cho các ngân hàng có thế mạnh về vốn, năng lực và khả năng quản trị, điều hành, nguồn nhân lực, trình độ công nghệ. Đó là các NHTM với nhiều kinh nghiệm đã hoạt động lâu năm, các ngân hàng nước ngoài với năng lực tài chính, kinh nghiệm quản trị, năng lực công nghệ vượt trội; còn các ngân hàng mới thành lập chắc sẽ khá chật vật để dành thị phần, tìm kiếm lợi nhuận và nhất là đối mặt với nhiều rủi ro, chưa biết những hậu quả của nó để lại trước hết cho các TĐKT, các doanh nghiệp và sau đó là cho nền kinh tế nước ta sẽ như thế nào!

TRANG Kết luận

TĐKT ở nước ta mới ra đời hơn chục năm trở lại đây nhưng còn trong giai đoạn thí điểm, chưa được tổng kết, đánh giá một cách đầy đủ, những văn bản pháp lý còn thiếu để triển khai một cách bài bản. Vì nhiều lý do nên nhiều doanh nghiệp, Tổng công ty cố gắng cho lên đời theo kiểu “phong trào tập đoàn”. Vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nên các TĐKT đang cố gắng mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực không phải sở trường như lĩnh vực tài chính - ngân hàng gây hệ lụy cho nền kinh tế. Mặc dù những khuyến nghị của các chuyên gia trong và ngoài nước về nguy cơ này nhưng đến nay một số TĐKT vẫn được NHNN cấp giấy phép thành lập các ngân hàng riêng. Do vậy vai trò giám sát của ngành thanh tra ngân hàng phải hết sức quan trọng mới giúp cho hệ thống NHTM nói chung và các ngân hàng mới thành lập nói riêng hoạt động an toàn và phát triển bền vững được ■

Tài liệu tham khảo:

- 1- Tập đoàn kinh tế một số vấn đề lý luận và thực tiễn- Thạc sĩ Doãn Hữu Tuệ Tạp chí nghiên cứu kinh tế số 349 tháng 6/2007.
- 2- www.ncseif.gov.vn.
- 3- www.doisongphapluat.com.vn
- 4- www.mof.gov.vn;
- 5- Vn Express
- 6- TB Ngân hàng- cuộc đua “công thức một” bài của Kiều Vân
- 7- www.laodong.com.vn.
- 8- TB kinh tế số 179 ngày 27/6/2007
- 9- TB kinh tế số 194 ngày 14/8/2007

Sở hữu nhà nước trong hệ thống tài chính

(Tiếp theo trang 10)

trong nước, đặc biệt về hoạt động tín dụng và cơ chế tái cấp vốn. Tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của ngân hàng trong kinh doanh, xây dựng và áp dụng đầy đủ hơn các quy chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ ngân hàng, nhất là hệ thống thông tin quản lý cho toàn bộ hoạt động ngân hàng như: công tác điều hành kinh doanh, kiểm soát hoạt động ngân hàng, quản lý nguồn vốn, tài sản, quản lý rủi ro, quản lý công nợ và công tác kế toán, hệ thống thanh toán liên ngân hàng, hệ thống giao dịch điện tử và giám sát từ xa. Đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đào tạo và đào tạo lại cán bộ thực hiện tốt các nghiệp vụ của ngân hàng

hiện đại, tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế, nhất là những cán bộ trực tiếp tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết các hợp đồng quốc tế, cán bộ kiểm tra - kiểm toán nội bộ, cán bộ chuyên trách làm công tác pháp luật quốc tế, cán bộ sử dụng và vận hành công nghệ mới ■

Tài liệu tham khảo

- 1- Ngân hàng Thế giới (2001), Chương 3: “Thất bại của Chính phủ trong tài chính”. Bản tiếng Việt, trang 171 – 196.
- 2- Bài đọc: “Những cạm bẫy của một hệ thống tài chính do Nhà nước chi phối: trường hợp của Trung Quốc”, Tài chính Phát triển, chương trình Fulbright, 2006.
- 3- Bài giảng: “Sở hữu Nhà nước trong hệ thống tài chính”, Tài chính Phát triển, chương

trình Fulbright, 2006.

4- Huỳnh Thế Du, Thời báo Kinh tế Sài Gòn (2005): “Cải cách ngân hàng ở Việt Nam: Còn lắm chông gai”.

5- Lê Đăng Doanh, Thời báo Kinh tế Sài Gòn: “Vai trò của Chính phủ trong hệ thống tài chính – ngân hàng”.

6- Jens Kousted, from *Mono-bank to Comercial Banking*, 2005.

7- Tô Ánh Dương, “Những cơ hội và thách thức của các Ngân hàng thương mại Việt Nam trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế”, tài liệu sử dụng tại hội thảo khoa học “Vai trò của hệ thống ngân hàng trong 20 năm đổi mới ở Việt Nam”, 2006.

8- Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, nhà xuất bản tài chính (2004): “Thị trường tài chính Việt Nam-Thực trạng vấn đề và giải quyết chính sách”.